Gioi Thieu Dao Phat - Binh Anson (3)

Giới Thiệu Đạo Phật (Bình Anson)

Gioi Thieu Dao Phat - Binh Anson

Vietnamese, with Unicode Times font

Giới thiệu Đạo Phật

Bình Anson

NXB Tôn Giáo

TL. 2005 - PL. 2549

-02-

Cuộc đời Đức Phật

Bình Anson

N gày rằm tháng tư âm lịch mỗi n ăm l à một ngày đặc biệt cho tất cả các Phật tử tr ên thế giới. Theo truyền thống Theravada (Nguyên thủy, Nam tông), đó l à ngày Tam Hợp - Vesakha (Vesak) - kỷ niệm ngày sinh (Phật Đản), ngày chứng đắc (Th ành Đạo), và ngày tịch diệt (Đại Niết Bàn) của Đức Phật. Trong khi đó, một số quốc gia theo truyền thống Mahayana (Đại thừa, Bắc tông) cử hành ba dịp trọng đại tr ên vào ba ngày khác nhau trong n ăm. Tuy nhi ên, ngày rằm tháng tư được xem như l à ngày lễ Phật giáo quan trọng nhất, và đ ã được to àn thể các tông phái Phật giáo thống nhất vào kỳ Đại hội lần thứ VI của Phật giáo Thế giới n ăm 1961.

Đến nay, mọi người đều thống nhất rằng Đức Phật sinh ra trong đ êm tr ăng rằm tháng tư âm lịch năm 623 trước Tây Lịch (TL), tại vườn Lumbini (Lâm Tỳ Ni), ngoại ô thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), ngày nay thuộc xứ Nepal, phía bắc Ấn Độ. Thân phụ Ngài là vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và thân mẫu là hoàng hậu Maha Maya (Đại Tịnh Diệu). Ngài thuộc sắc tộc Sakya (Thích Ca), có họ Gotama (Cồ Đàm), và được vua cha đặt t ên là Siddhatta (Sĩ Đạt Đa), có nghĩa là Như Ý. N ăm 16 tuổi, Ng ài lập gia đ ình với công chúa Yasodhara (Gia Du Đà La) và có một người con trai, tên là Rahula (La Hầu La).

N ăm 29 tuổi, Ng ài rời bỏ cung vàng, vượt sông Anoma (một chi nhánh của thượng lưu sông Gange - Hằng hà), tầm sư học đạo, sống một cuộc đời du tăng. Sau 6 năm học hỏi với nhiều bậc đạo sư n ổi tiếng thời đó với nhiều pháp môn tu tập khác nhau, Ng ài cảm thấy vẫn còn nhiều vướng mắc, và vẫn không tìm ra được con đường giải thoát tối hậu.

Cuối cùng, Ngài quyết định không sống lệ thuộc v ào một vị đạo sư, một pháp môn n ào cả. Từ bỏ lối tu khổ hạnh hành xác, Ngài bắt đầu đi khất thực trở lại để phục hồi sức khỏe, v à tham thiền dưới cội cây Assatha (ficus religiosa) , sau nầy được gọi l à cây bồ đề (bodhi) , trong vùng Gaya - ngày nay được gọi l à Bodhgaya , Bồ Đề Đạo Tràng, bên bờ sông Neranjara (Ni Liên Thuyền).

Ngài lập tâm nhất quyết nỗ lực cùng tột bất thối chuyển: "Dù chỉ còn da, gân và xương, máu và thịt đ ã cạn khô và tan biến, ta nguyện không xê dịch chỗ nầy cho đến khi chứng ngộ To àn Giác (samma-sambodhi)" . Vào đ êm rằm tháng tư n ăm 588 trước TL, Ng ài nhập định tham thiền, quán niệm hơi thở v à định tâm, an trú v ào bốn tầng thiền-na (jhana) , rồi hướng tâm hồi tưởng các tiền kiếp. Vào cuối canh một đ êm đó, Ng ài chứng đạt trí tuệ "túc mạng minh". Sau đó, Ng ài hướng tâm quán triệt nguyên do đưa đến sự sinh tử của mọi lo ài, về luật nghiệp quả, và vào cuối canh hai, Ngài chứng đạt "thi ên nhãn minh". Sau đó, Ng ài quán triệt sự chấm dứt các lậu hoặc, quán triệt Khổ, Khổ tập, Khổ diệt, và Con đ ường diệt Khổ (Tứ Diệu Đế), và chứng đạt "lậu tận minh".

Lậu đ ã tận diệt, tuệ đ ã toàn khai, Ngài quán triệt chân lý và giác ngộ, trở thành một vị Chánh Đẳng Chánh Giác (Samma Sambuddha) , và được xem như l à đ ã chứng Niết Bàn Hữu Dư Y (Sa-upadisesa Nibbana Dhatu) , nghĩa là trạng thái tâm trí hoàn toàn giải thoát nhưng thân xác vẫn còn tồn tại. Lúc đó Ng ài được 35 tuổi.

Bài giảng đầu ti ên của Ngài là bài kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana) , giảng cho n ăm anh em Kondanna (Kiều Trần Như), đệ tử đầu ti ên, tại vườn Lộc Uyển gần thành Benares (Ba Na Lại). Đây là bài giảng tóm tắt tinh hoa của đạo giải thoát, l à một Trung Đạo (Majjhima Patipada) không lệ thuộc vào hai cực đoan của việc nô lệ dục lạc v à việc hành khổ thân xác, bao gồm bốn sự thật phổ quát (Tứ Diệu Đế) và con đường diệt khổ gồm tám yếu tố chân chính (Bát Chánh Đạo).

Từ đó, trong suốt 45 năm, Ng ài đi truyền giảng con đường giải thoát, thu nhận đệ tử, có người xuất gia theo Ng ài và lập thành T ăng đo àn (Sangha) , cũng có người còn tại gia, gọi là các cư sĩ. Vùng truyền giáo của Ngài là vùng Đông Bắc Ấn Độ giáp biên giới xứ Nepal, dọc theo các nhánh thượng nguồn sông Gange (sông Hằng).

Ngài thường được gọi l à Đức Phật Cồ Đàm (Buddha Gotama). Chữ "Phật" là tiếng gọi tắt của "Phật Đà", phiên âm từ chữ Phạn "Buddha" - người bình dân Việt Nam có nơi gọi là ông Bụt - nghĩa là người đ ã giác ngộ (Giác Giả). Trong các kinh điển ghi lại, Ng ài thường tự gọi mình là Tagatatha (Như Lai). Ngoài ra, theo kinh điển, Đức Phật có mười danh hiệu: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Ngài giảng rất nhiều chủ đề cho nhiều hạng người khác nhau, t ùy theo tâm tính, c ăn cơ, ho àn cảnh của họ, để giúp họ thăng tiến tr ên đường tu tập. Thực tế nhất l à 37 phẩm trợ đạo m à Ngài đ ã tóm tắt lại trong những ngày cuối của cuộc đời tại thế của Ng ài: 4 Niệm xứ, 4 pháp Chánh cần, 4 điều Như ý, 5 Căn, 5 Lực, 7 Giác chi, v à đạo 8 Chánh.

Đức Phật tịch diệt n ăm 543 trước TL, lúc Ng ài 80 tuổi, tại khu rừng cây Sala , gần thành Kusinara (Câu Thi La). Đêm đó, sau khi nhập v à xuất tám bậc thiền, Ngài nhập Niết Bàn Vô Dư Y (An-upadisesa Nibbana Dhatu) - hay Đại Bát Niết Bàn (Maha Parinibbana) - nghĩa là Niết Bàn với thân xác không còn mầm sống tồn tại trong thế gian. Lúc đó l à canh cuối cùng của đ êm rằm tháng tư. Lời dạy cuối cùng của Ngài là:

"Nầy các vị Tỳ khưu, nay Ta khuyên bảo chư vị: tất cả các pháp hữu vi đều vô thường. H ãy tinh tấn, chớ có phóng dật" .

Các bài giảng của Ngài được tr ùng tuyên và kết tập lại thành bộ Kinh Tạng (Sutta Pitaka) . Các điều giới luật cho các vị tu sĩ - c ùng các câu chuyện có liên quan đến giới luật đó - được kết tập th ành bộ Luật Tạng (Vinaya Pitaka) . Ngoài ra, còn có nhiều bài giảng đặc biệt khác m à về sau nầy được đúc kết lại trong bộ A Tỳ Đàm (Abhidhamma Pitaka, Thắng Pháp Tạng hay Luận Tạng). Ba tạng nầy kết hợp thành bộ Tam Tạng Kinh Điển của Phật Giáo ngày nay.

Perth, Tây Úc,

tháng 4-1995

-ooOoo-

Đầu trang
| 01
| 02
| 03
| 04
| 05
| 06
| 07
| 08
| 09
| 10
| 11
| 12
| 13
| 14
| 15
| 16
| 17
| 18
| 19
| 20
| 21
| Mục lục

[Trở về trang Thư Mục]

last updated: 16-02-2005

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.